



Thư Tòa Soạn

“One impulse from a vernal wood
May teach you more of man,
Of moral evil and of good,
Than all the sages can.”

(“The Tables Turned”, 1798)

*Một cơn hứng khởi từ cánh rừng xuân
Có thể dạy bạn nhiều hơn về con
Người, về cái tốt và xấu thuộc lương
Tri, hơn tất cả những nhà hiền triết.*

Đoạn thơ trên được trích từ bài thơ nổi tiếng, “The Tables Turned” của William Wordsworth. Bài thơ làm theo thể Ballad để kể một câu chuyện, viết bằng iambic, *không nhấn, nhấn*, mỗi đoạn 4 câu: câu 1 và 3, mỗi câu 4 *dấu nhấn*; còn câu 2 và 4, mỗi câu 3 *dấu nhấn*.

Nhìn bề ngoài, giống như một đoạn văn xuôi, nhưng khi đọc lên, nghe rõ nhịp điệu theo đúng luật tắc, *có vần và vắt dòng*. Đối với người đọc Việt, đó chỉ là một câu văn bình thường, nhưng đối với người đọc tiếng Anh lại là một đoạn thơ hay. Nhịp điệu ẩn đằng sau bản văn, chỉ khi đọc, mới nổi lên. Nhịp điệu có tác dụng khơi dậy cảm xúc, làm thay đổi ý nghĩa, và bài thơ trở nên mộng lung và sâu xa. Nếu không có nhịp điệu, bài thơ chỉ còn cái nghĩa trần trụi của văn xuôi. Thể Ballad là một thể thơ hát, và kỹ thuật được đầu đi.

Đối với thơ Tân hình thức Việt, nếu chúng ta không ý thức, sẽ rơi vào tình trạng, bị vướng vào kỹ thuật, *vắt dòng và lập lại*, và khi đọc lên, không biết nhà thơ muốn nói gì, hoặc chỉ là một đoạn văn xuôi *vắt chữ xuống dòng*, không có nhịp điệu. Nhịp điệu thơ Tân hình thức là nhịp

điệu ngôn ngữ, khác với loại nhịp điệu hình ảnh hay ý tưởng của thơ tự do, khởi đầu với phái Hình tượng (Imagism), cách đây một thế kỷ. Đối với các thể loại thơ chú tâm tới nhạc tính hay nhịp điệu thơ, như thơ vần điệu và Tân hình thức, cảm nhận của người đọc rất tinh nhạy, có khi hơn cả những nhà thơ.

Tuy nhiên thơ Tân hình thức Việt cũng không thiếu những bài thơ tuôn ra tự nhiên, lúc nào đọc cũng thấy thú vị như *Biển Cạn Cột* (Vương Ngọc Minh), *Mùa Lau Trắng* (Đinh Thị Như Thúy), *Thật Mà* (Nguyễn Văn Vũ), *Cái Vòi Nước* (Hùng Thanh) ... Và còn nhiều nữa.

Nhà phê bình Văn giá nhận xét, “Ngay cả một số nhà thơ Tân hình thức, theo tôi nghĩ, cũng lại bị lệ thuộc quá vào tính truyện và ngôn ngữ đời thường, thành ra có trường hợp đã biến thơ thành một bài văn xuôi, nặng về kể chuyện, thiếu cảm xúc, thiếu tính nhịp điệu. Như thế là người làm thơ chẳng những chưa thành thực thơ Tân hình thức mà lại còn chưa đạt đến độ “chơi” cần thiết.”

Có lẽ đây là một ý kiến tích cực mà chúng ta phải quan tâm. Lý thuyết được hình thành trong những thời điểm nhất định, cần uyển chuyển và bổ sung qua thời gian, theo nhu cầu sáng tác, miễn là có thơ hay.

Như vậy, phải chăng thơ Tân hình thức Việt cần có một bút phá mới? Chắc không đâu, vì thơ Tân hình thức vốn dĩ đã là một bút phá. Chúng ta chỉ cần tuân thủ theo đúng thể thơ, còn những yếu tố khác có thể thay đổi, theo tiến trình sáng tạo của từng cá nhân. Bởi vì, thơ không phải những tuyên ngôn, hay những bản tin, thơ là nghệ thuật.

Thật ra, nhịp điệu trong thơ Tân hình thức vô cùng khó, tùy thuộc nhiều vào tài năng, và người làm thơ phải sắp xếp những âm thanh *bằng trắc* từng dòng thơ ở trong đầu, sau đó mới phối hợp kỹ thuật *lập lại*, chứ không thể cứ lập lại câu chữ một cách máy móc, hoặc phỏng theo những bài thơ đã có sẵn. Vì thế mà nhiều bài thơ Tân hình thức Việt chỉ thấy *ý* và *chữ*, chứ không thấy thơ.

Thơ không thể dịch, chính là không dịch được nhịp điệu và âm thanh ngôn ngữ. Nhưng muốn dịch, phải thay đổi cách sáng tác để người đọc khác ngôn ngữ có thể đọc như một bài thơ sáng tác, đưa thơ thoát khỏi sự hạn chế của ngôn ngữ, tạo sự cảm thông giữa các nền văn hóa. Thơ Tân hình thức Việt “mới mẻ, dễ hiểu nhờ tính truyện, hấp dẫn vì có nhịp điệu, và giá trị với những ý tưởng sâu sắc”, lại dùng ngôn ngữ thông thường, nên dễ chuyển dịch. Đồng thời, với kỹ thuật *lập lại*, khi dịch vẫn giữ nguyên được nhịp điệu, làm người đọc không còn cảm giác là đang đọc một bài thơ dịch.

Thay đổi cách sáng tác, thật ra, chưa đủ, phải theo đúng những tiêu chuẩn về ngữ học và dịch thuật. Với văn chương, nói chung, cần văn phong tự nhiên, ngôn ngữ dịch ra phải là ngôn ngữ bản địa của người dịch. Thơ Tân hình thức Việt muốn đưa thơ tới người đọc là những nhà thơ và người đọc nói tiếng Anh, chứ không phải chỉ là giao lưu văn hóa hay cung cấp tài liệu cho những nhà nghiên cứu văn học. Vì thế, phải phối hợp nhiều yếu tố để bản dịch tương đối thành công, theo những điều kiện nêu trên.

Với 6 tuyển tập song ngữ Anh Việt do nhà xuất bản Tân Hình Thức Publishing Club, từ năm 2006 tới 2012, bắt đầu với cuốn *Thơ Không Văn* (Blank Verse), là một trải nghiệm tìm kiếm người đọc khác ngôn ngữ, kết quả là, đã được đón nhận tích cực của những nhà thơ và người đọc thơ Mỹ bình thường. Vào thời đại thông tin và internet, chúng ta đang có một phương tiện nhanh chóng và tiện dụng, *Báo Giấy*, vừa chuyển đi trên online, qua email, vừa có thể in ra và đọc. Và nếu là song ngữ, tờ báo sẽ đáp ứng được nhu cầu của nhiều loại người đọc, tiếng Việt, tiếng Anh và song ngữ cả Anh lẫn Việt.

Từ dạng sách chuyển qua dạng báo, có cái dễ cũng có cái khó. Dễ là vì qua email, chúng ta có thể tiếp cận với người đọc rộng rãi hơn. Khó là, không đủ thơ đạt tiêu chuẩn để dịch, nếu xuất bản mỗi hàng tháng. Nhưng nếu mỗi 3 tháng, thì không phải là điều không thực hiện được. Thơ song ngữ hướng tới người đọc khác ngôn ngữ, nên bài thơ khi dịch ra, nếu khó hiểu hoặc không có nhịp điệu, người đọc sẽ không đọc, dịch ra cũng vô ích. Tờ báo song ngữ, nếu hình thành, cũng chỉ là một thử nghiệm

Kiều Maily
SÔNG SÓT

Biển lặng. Sóng đã yên.
Tôi bơi trở lại gần
bờ gần bờ hơn. Đòng
loại tôi thấy thưa thớt

hơn. Như thể đi vắng.
Đám rong rêu quặt queo.
Loài tảo nằm một phờ.
Tôi bơi trở lại bờ.

Loài người và máy ảnh.
Không phải ngư dân. Không
phải đám con cháu họ.
Một loài người rất lạ

đến rồi đi. Rồi lại
đến lại đi. Tôi nhìn
và tôi quay đi. Bơi
ra xa bờ. Xa mùi

tử thi đồng loại tôi
chết phơi mình trắng bờ.
Biển đã lặng. Sóng đã
yên. Nhiều ngôi nhà đồng

loại tôi bỏ hoang. Tôi
hiểu từ nay lũ cá
đã phải sống sót như
chúng tôi khó sống hơn,

có lẽ.

Vương Ngọc Minh
CHÁT VỚI HU VÔ

tặng Minh Phương Nguyễn

một đôi nàng hỏi “anh
đang viết gì?” để bước
được từng bước chậm giữ
cho hơi thở ra hít

sâu vào đều đều cũng
phải mất hơn nửa đời
tôi đáp và tưởng tượng
trước một tấm lưng cong

của người đàn bà nào
đó (!) giả như cứ liên
tục đập vô mắt và
khi người đàn bà xoay

lại thì tôi ước sao
các chuyện trên đời tất
thấy chuyện lớn thành chuyện
nhỏ tí như mảng chiều

tà có phủ nặng nửa
khuôn mặt người đàn bà
lại hóa chuyện nhỏ tí
tê ôi chao (đường nào

thì cũng về la mã)
tôi sẽ chịu đứng yên
chịu đóng đinh mặc cho
người đàn bà có tấm

lưng cong vẽ vẽ vòng
vòng tròn tròn trên trán
và thổi "phù phù" vào
miệng tuyền những hương sắc

và nói – đành rằng ai
rồi cũng chết ... ông ơi
và khi người đàn bà
dứt lời tôi ước lập

tức tôi sẽ thấy mình
đương ở âm phủ gập
đu mắt nào: anh thanh
tâm tuyền. bụi giáng. mai

thảo phạm duy ... v... v...
i meant từng vòng vòng
tròn tròn người đàn bà
cứ vẽ vẽ thời gian

sẽ thành vết chàm (có
thiên thu? tất thấy các
chuyện có hóa thành chuyện
nhỏ ra chuyện lớn tôi

cóc cần biết!) đói/ no
giờ đây chỉ việc cắm
đầu chạy miết đời – có
lúc té bỏ nhào thì

cũng có khi ngồi lặng
khóc/ cười xát muối mặt
ngọt vào lời nhỏ/ to
và chuyện lớn cũng thành

chuyện nhỏ thôi mà đường
nào cũng tới la mã
chúng ta sống đây rất
cuộc cũng chỉ thờ trong

các vòng vòng tròn tròn
luẩn quẩn trên đời – đấy!

Trần Hoàng Vỹ
GIỌT NƯỚC

Thoạt đầu giọt nước có
hình gì trong chiếc ly
thủy tinh người đàn bà
cầm trên tay nghiêng đổ
giọt nước tròn lăn trượt
kéo thân phận hình hạt
đậu méo mó khôn khó
và sóng soài trên mặt
chiếc bàn đá lấm tẩm
những hạt nước thiên biến
vạn hóa những hình thù
lạ lùng giọt nước chảy
dài thấm thía nỗi đau
của những vật nó thấm
vào giọt nước sắc nhọn
tích tụ thành hình thù
của vật chứa nó quân
tử tính như thủy hóa
thân hạt nước buồn thiu.

Nguyễn Thánh Ngã
ĐẠI HẠN

trời đại hạn hay lòng
người hạn đại tôi ngu
ngơ dang nắng cháy khét

cái đầu hạn hán của
mình bằng cách không đội
nón vì xưa nay đầu

tôi chẳng hề chịu đội
bất cứ thứ gì kể
cả đội một chiếc nón

vì nó thích mưa rơi
vì nó quen nắng đỏ
vì nó mang ánh chân

trời xa tí để tung
tăng cùng đám mây hình
con chó bay tự do

giữa bầu trời cao rộng
có thể không có giọt
mưa nào rớt xuống nhưng

tôi không tin nước mắt
em không thể rơi vào
cánh đồng tháng năm nắng

cháy cỏ khô vết chân
trâu ao hồ cạn kiệt
con ếch bỏ đáy giếng

lên bờ ngao du giữa
mùa động dục lòng nó
cháy khát một giấc mơ
đen...

Hương Thanh
CÚP ĐIỆN

khi mọi thứ tôi đi cô
huơ tay mình vào đầu huơ
chân xuống nền nhà huơ huơ
những ý nghĩ cô gái huơ

tóc mình trong bóng tối cô
thấy rằng mọi thứ tôi rời
tối rồi phải huơ huơ như
người điên người huơ thứ không

rõ ràng như huơ huơ thứ
ánh sáng không đường dẫn mãi
huơ từ lum không khí cô
gái bất thần đôi mắt mình

chỉ nhìn thẳng nhìn quanh tư
thế thì vẫn huơ những ý
nghĩ đơn thuần là mò tìm
bật công tắc ánh sáng trên

khi mọi thứ tôi đi cô
gái thấy bóng tối huơ huơ
lấy tấm thân cô gái để
cùng huơ về ánh mặt trời.

Xuân Thủy
CHỌN LỰA

Chọn gì đây chọn nơi
nào đi đến nơi nào
đi qua hay đi đi
chọn những gì nghe nói
hay là đi qua mà
đến nơi này đâu bao
gian lao thử thách vẫn
đi về phía trước dù
phải trả đắng đắng cay
chúng ta đã chọn chọn
đầu bao điều không tránh
khỏi và ngọn lửa trong
ta không bao giờ tắt ...
đất mẹ quê ta những
đứa con trở về trong
tiếng nước non ... đất thấm
máu thiêng liêng lời lặng
câm thành thơ không hiểu ...

29/4/2015

POETRY AS ENCHANTMENT

THƠ NHƯ NIỀM MÊ HOẶC

Dana Gioia

IV.

The purpose of rhythm, it has always seemed to me, is to prolong the moment of contemplation, the moment when we are both asleep and awake.

– William Butler Yeats

In the Western tradition, it has generally been assumed that the purpose of poetry is to delight, instruct, console, and commemorate. But it might be more accurate to say that poems instruct, console, and commemorate through the pleasures of enchantment. The power of poetry is to affect the emotions, touch the memory, and incite the imagination with unusual force. Mostly through the particular exhilaration and heightened sensitivity of rhythmic trance can poetry reach deeply enough into the psyche to have such impact. (How visual forms of prosody strive to achieve this mental state requires a separate inquiry.) When poetry loses its ability to enchant, it shrinks into what is just an elaborate form of argumentation. When verse casts its particular spell, it becomes the most evocative form of language. “Poetry,” writes Greg Orr, “is the rapture of rhythmical language.”

Poetry is a distinct category of language—a special way of speaking that invites and rewards a special way of listening. Poetry is often subtle and sometimes even occult in its meaning, but it is rarely shy about announcing its status as a separate kind of language. In oral culture, poetry needs to sound different from ordinary speech in the very form of its saying to earn its special attention and response. The purpose of sonic features, such as meter, rhyme, alliteration, is partially to make verse immediately distinguishable from speech or prose. “I came to poetry,” said Donald Hall, “for the sound it

IV.

Với tôi, dường như mục đích của nhịp điệu luôn là giúp kéo dài khoảnh khắc trầm tư, là khoảnh khắc chúng ta vừa thiếp ngủ vừa tỉnh thức.

– William Butler Yeats

Trong truyền thống phương Tây, nói chung là có giả định rằng mục đích của thơ là làm vui thích, chỉ dạy, vỗ về an ủi, và tưởng niệm. Nhưng có lẽ sẽ xác thực hơn nếu nói rằng những bài thơ chỉ dạy, an ủi, và tưởng niệm thông qua những niềm vui của sự mê hoặc. Quyền năng của thơ ở chỗ tác động đến những cảm xúc, đụng chạm tới hồi ức, và kích động trí tưởng tượng với sức mạnh khác thường. Chủ yếu là thông qua sự phấn chấn đặc biệt và cảm quan được tăng độ bén nhạy nhờ vào tác động xuất thần của nhịp điệu mà thơ có thể thâm nhập đủ sâu vào tâm linh con người để có được tác động vừa nêu trên. (Những dạng thị giác của thi pháp đã nỗ lực như thế nào để đạt được trạng thái tinh thần này, là vấn đề đòi hỏi một công cuộc nghiên cứu riêng biệt.) Khi thơ mất đi khả năng mê hoặc của nó, thì nó co cụm lại để chỉ còn là một dạng biện luận trau chuốt. Khi vẫn vẫn đạt tới mức độ đặc biệt của nó là gây mê hoặc thì nó trở thành dạng ngôn ngữ có khả năng khơi gợi hơn cả. Greg Orr đã viết rằng “Thơ là trạng thái mê say của ngôn ngữ có nhịp điệu.”

Thơ là một phạm trù riêng biệt của ngôn ngữ -- là một cách nói đặc biệt để mời gọi và tưởng thưởng một cách nghe cũng đặc biệt. Thơ thường là tinh tế và đôi khi ý nghĩa của nó thậm chí là tối tăm, nhưng hiếm khi nó rụt rè trong việc thông báo về địa vị của nó như một loại ngôn ngữ riêng biệt. Trong nền văn hóa truyền miệng, thơ cần được xướng âm khác với lời nói thường ngày trong chính hình thức của điều nó nói ra, để đạt được mỗi quan tâm và sự đáp ứng đặc biệt. Mục đích của những đặc trưng về mặt âm thanh, tỉ như vận luật, vần, điệp phụ âm đầu, phần nào nhằm làm cho văn vần khi xướng lên được nhận

makes.” Poetry is not merely different in degree from ordinary language—more images, more metaphors, more rhythm—it differs fundamentally in how it communicates. All poetic technique exists to enchant—to create a mild trance state in the listener or reader in order to heighten attention, relax emotional defenses, and rouse our full psyche, so that we hear and respond to the language more deeply and intensely. Camille Paglia speculates that “poetry subliminally manipulates the body and triggers its nerve impulses, the muscle tremors of sensation and speech.” To borrow Franz Kafka’s more violent metaphor about literature in general, poetry is “the axe to break the frozen sea within us.”

The aim of poetry—in this primal and primary sense as enchantment—is to awaken us to a fuller sense of our own humanity in both its social and individual aspects. Poetry offers a way of understanding and expressing existence that is fundamentally different from conceptual thought. As Jacques Maritain observed, “poetry is not philosophy for the feeble-minded.” It is a different mode of knowing and communicating the world. There are many truths about existence that we can only express authentically as a song or a story. Conceptual language, which is the necessary medium of the critic and scholar, primarily addresses the intellect. It is analytical, which is to say, it takes things apart, as the Greek root of the word *ana-lyein*, to unloosen, suggests. Conceptual discourse abstracts language from the particular to the general. Poetic language, however, is holistic and experiential. Poetry simultaneously addresses our intellect and our physical senses, our emotions, imagination, intuition, and memory without asking us to divide them. The text may be frozen on the page for easy visual inspection and analysis, but the poetic experience itself is temporal, individual, and mostly invisible. As Wallace Stevens wrote, “Poetry is a pheasant disappearing in the brush.”

ra ngay rằng nó khác với lời nói hoặc văn xuôi. Donald Hall từng nói rằng “Tôi đến với thơ vì âm thanh mà nó tạo ra.” Thơ không chỉ khác về mức độ so với ngôn ngữ thông thường – nhiều hình ảnh, nhiều ẩn dụ, nhiều nhịp điệu hơn – mà cơ bản là khác về cách mà nó truyền đạt, thông tri. Mọi kỹ thuật thơ, sở dĩ có, là để mê hoặc – để tạo ra một trạng thái xuất thần êm dịu nơi người nghe hoặc người đọc, nhằm tăng thêm sự chú tâm, buông rời sự phòng vệ về mặt cảm xúc, và làm tỉnh thức toàn bộ tâm linh của chúng ta, sao cho chúng ta lắng nghe và đáp ứng ngôn ngữ đó một cách sâu xa và mãnh liệt hơn. Camille Paglia suy đoán rằng “thơ vận dụng cơ thể con người ở dưới ngưỡng ý thức và kích hoạt những xung động thần kinh, những rung động của cơ bắp do cảm giác và lời nói.” Mượn một ẩn dụ dữ dội hơn của Kafka về văn học nói chung, thì thơ là “chiếc riu để phá vỡ cái đại dương đóng băng bên trong chúng ta.”

Mục đích của thơ – theo nghĩa nguyên sơ và cơ bản là sự mê hoặc – là làm thức tỉnh nơi chúng ta cái ý thức đầy đủ hơn về phận người, cả trong những khía cạnh xã hội lẫn cá nhân. Thơ cung cấp một cách hiểu và biểu đạt cuộc hiện hữu, khác một cách nền tảng so với tư duy khái niệm. Như Jacques Maritain đã nhận xét, “thơ không phải là triết lý dành cho người đàn độn.” Nó là một cách thức khác để hiểu biết và thông tri về thế giới. Có nhiều sự thực về cuộc hiện hữu khiến ta chỉ có thể biểu đạt một cách xác thực rằng nó như một bài hát hoặc một câu chuyện. Ngôn ngữ khái niệm, vốn là phương tiện truyền thông thiết yếu của giới phê bình và học thuật, chủ yếu là gửi thông tin đến trí năng của con người. Bản chất của ngôn ngữ này là tính phân tích, nghĩa là nó tách rời những sự thể, như ngữ nguyên của từ *Hi Lạp analyein* (to unloosen, nói lỏng, cởi) đề xuất. Diễn ngôn khái niệm tách chiết ngôn ngữ từ cái đặc thù để rút lấy cái tổng quát. Còn ngôn ngữ thơ, dù thế nào chăng nữa, mang tính chỉnh thể và dựa trên kinh nghiệm. Cùng một lúc, thơ trò chuyện với trí năng và những giác quan của chúng ta, với những cảm xúc, trí tưởng tượng, trực giác, và kí ức của chúng ta, mà không đòi hỏi ta phải chia biệt chúng. Một văn bản có thể bị đóng băng trên trang giấy để dễ dàng cho việc kiểm tra và phân tích bằng mắt nhìn, nhưng bản thân trải nghiệm thơ thì lệ thuộc vào thời gian, có tính cá nhân, và chủ yếu là không nhìn thấy được. Như Wallace Stevens đã viết, “Thơ là con chim trĩ biến mình trong bụi cây.”

V.

*Why poetry is in school more than it seems to
be outside in the world, the children haven't
been told. They must wonder.*

– Robert Frost

This consideration of poetry's formal nature and human purposes presents a paradox. If poetry is the most ancient and primal art, if it is a universal human activity, if it uses the rhythmic power of music to speak to us in deep and mysterious ways, if the art is a sort of secular magic that heightens the sense of our own humanity, then why is poetry so unpopular? Why has poetry, as so many instructors complain, become so hard to teach? Why is poetry disappearing from the curriculum at every level of education? Why has poetry gradually vanished from public discourse and the media? And, finally, why has all this happened—at least in most of Western Europe and North America—despite huge, ongoing investments from governmental, academic, and philanthropic institutions to support the creation, teaching, publishing, discussion, promotion, and preservation of poetry?

There are, of course, many reasons for poetry's retreat from cultural life, not the least of which is the proliferation of new technologies for information and entertainment, including media that have usurped the basic modes of song and storytelling that have traditionally been the mission of literature. But there have also been intellectual and education trends that have stunted poetry's appeal and popularity. Poetry has always played a significant role in education. It has been used for millennia at every level of instruction. In cultures as different as classical China, Imperial Rome, and Elizabethan England, poetry served as the central subject matter of the curriculum. The schools attended by Tu Fu, St. Augustine, and William Shakespeare, for example, used verse texts and even metrical composition in many subjects.

V.

*Xem chừng thơ trong nhà trường lại nhiều hơn ở
ngoài thế giới, trẻ em không được bảo cho biết tại
sao lại như vậy. Hẳn các em phải ngạc nhiên.*

– Robert Frost

Nhận xét này về bản chất chính thức của thơ và những mục đích của con người trình ra một nghịch lí. Nếu thơ là nghệ thuật cổ xưa nhất và cơ bản nhất, nếu nó là một hoạt động phổ quát của con người, nếu nó dùng sức tác động của nhịp điệu của nhạc để nói với chúng ta theo những cách sâu xa và bí ẩn, nếu nghệ thuật này là một loại ma thuật thế tục giúp gia tăng cảm thức về bản chất con người của chúng ta, vậy tại sao thơ lại không được quần chúng hưởng ứng đến thế? Tại sao việc dạy về thơ lại quá khó khăn, như rất nhiều người dạy đã than phiền? Tại sao thơ biến mất khỏi giáo trình ở mọi cấp của nền giáo dục? Tại sao thơ dần dà biến mất khỏi những buổi nói chuyện trước công chúng và những phương tiện truyền thông đại chúng? Và, cuối cùng, tại sao đã xảy ra tất cả những chuyện đó – ít nhất là trong nhiều quốc gia Tây Âu và Bắc Mỹ – bất chấp những khoản đầu tư khổng lồ vẫn đang tiếp tục được đổ vào từ những cơ quan chính quyền, những học viện, và những tổ chức từ thiện, để hỗ trợ việc sáng tác, dạy dỗ, ấn hành, thảo luận, khuyến khích, và bảo tồn thơ?

Tất nhiên là có nhiều nguyên nhân khiến thơ bị rút ra khỏi sinh hoạt văn hóa, nhất là do sự tăng nhanh của những công nghệ thông tin và giải trí mới, bao gồm những phương tiện thông tin đại chúng đã tiếm đoạt những phương thức cơ bản của bài hát và truyện kể, vốn dĩ là nhiệm vụ truyền thống của văn học. Nhưng cũng có những xu hướng tri thức và giáo dục đã làm còi cọc sức hấp dẫn và tính đại chúng của thơ. Thơ từng giữ một vai trò đầy ý nghĩa trong giáo dục. Nó từng được dùng trong hàng thiên niên kỉ ở mọi cấp của việc truyền bá kiến thức. Trong những nền văn hóa khác biệt như ở Trung quốc, đế chế La Mã, thời đại nữ hoàng Elizabeth nước Anh, thơ được dùng như chủ đề trung tâm của giáo trình. Những nhà trường nơi Đỗ Phủ, Thánh Augustine, và William Shakespeare theo học chẳng hạn, đã sử dụng những văn bản bằng văn vần và thậm chí những luận văn có vận luật để bàn về nhiều chủ đề.

Until quite recently poetry was taught badly—at least according to current academic standards. Poetry was used to teach grammar, elocution, and rhetoric. It was employed to convey history, both secular and sacred, often to instill patriotic sentiment and religious morality. Poetry was chanted in chorus at female academies. It was copied to teach cursive handwriting and calligraphy. It was memorized by wayward schoolboys as punishment. It was recited by children at public events and family gatherings. Being able to write verse was considered a social grace in both domestic and public life. Going to school meant becoming well versed.

(Be continued)

Frederick Feirstein
SHAKESPEARE

If I could live a Muslim cabbie's day
Driving in traffic, parking at noon to pray
In 96th Street's Mosque, I'd stop to chat
With vendors hawking fruit, pashminas, books
Even about my centuries of fame;
If I could be a New York City hack
I'd give up every sonnet, every play,
Not in disgrace with men's eyes, not in shame
For just one sandwich stuffed with sizzling fat
Plump Falstaff in a greasy apron cooks,
I'd take blank time, not scripted Fortune, back.

*Sir John Falstaff là nhân vật trong kịch
William Shakespeare.*

Cho tới rất gần đây thơ đã phải chịu sự giảng dạy tồi tệ – ít nhất là theo những chuẩn mực học thuật hiện đương. Thơ đã được dùng để dạy ngữ pháp, nghệ thuật diễn thuyết, và tu từ học. Nó đã được sử dụng để chuyển tải những nội dung lịch sử, cả thế tục lẫn thiêng liêng, thường là để người học thấm nhuần dần những tình tự yêu nước hoặc đức lí tôn giáo. Thơ từng được đồng thanh xướng lên trong những học viện dành cho nữ giới. Nó đã được sao chép để dạy viết chữ thảo và thư pháp. Những học sinh bướng bỉnh ngang ngạnh đã buộc phải học thuộc lòng những bài thơ, như một hình phạt. Thơ còn được các em nhỏ đọc thuộc lòng trong những sự kiện diễn ra nơi công cộng và trong những buổi gặp mặt của gia đình. Sáng tác được văn vần được đánh giá là có tài khéo, tài xã giao, cả trong đời sống trong nhà lẫn ngoài công cộng. Ở nhà trường thì có tài đó được coi là người học giỏi.

Translated into Vietnamese by Phạm Kiều Tùng

(Còn nữa)

SHAKESPEARE

Nếu tôi có thể sống một ngày của
Người tài xế taxi dạo Hồi lái
Trong lúc đông xe, ngừng lại buổi trưa
Cầu nguyện tại Thánh đường Hồi giáo đường
96, tán gẫu với những người bán
Trái cây lẻ, khăn trùm đầu, sách, ngay
Cả hàng thế kỷ tăm tiếng của tôi;
Nếu tôi có thể là người tài xế
Taxi ở thành phố New York, tôi
Sẽ từ bỏ mỗi bài thơ, mỗi vở
Kịch, không được trọng vọng dưới mắt mọi
Người, không xấu hổ với chỉ một chiếc
Bánh sandwich nhét đầy mỡ nóng do
Falstaff béo tròn mặc chiếc tạp dề
Dính dầu mỡ làm, tôi chọn một tương
Lai mờ, không phải thứ tương lai tiền
Định, ngược đời.

Khé Iêm chuyển dịch